TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Bà Nguyễn Kim Lên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Hồng S, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08/3/2019, đơn xin xác nhận không đăng ký kết hôn ngày 07/3/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Hồng S trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành V tự nguyện chung sống với nhau ngày 16 tháng 6 năm 1989 và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường hay cự cải với nhau, ông V cũng thường xuyên mắng chửi xúc phạm bà, cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc nên bà làm đơn khởi kiện ra Tòa xin ly hôn với ông V 02 lần nhưng sau đó rút đơn. Nay bà xác định tình cảm

không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thúy H, sinh năm 1991 hiện trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung là không có

- Bị đơn ông Nguyễn Thành V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung bà S khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông V đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Tại phiên tòa bà S xác định thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông V. Đối với ông V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng đến nay không có ý kiến phản bác hay yêu cầu gì đối với nội dung khởi kiện của bà S, cho thấy ông V chấp nhận các yêu cầu của bà S đặt ra. Do đó, có cơ sở cho rằng điều kiện đi đến hôn nhân, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân như bà S trình bày là có cơ sở. Tuy nhiên, bà S và ông V tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn, tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc hội quy định: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"*; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*.. Như vậy, bà S và ông V kết hôn chung sống sau ngày 03/01/1987 cho đến nay không đi đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của bà S, mà cần tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông V không được pháp luật công nhận vợ chồng là có căn cứ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà S và ông V có một con chung tên Nguyễn Thúy H, sinh năm 1991 nhưng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản các đương sự không đặt ra yêu cầu và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Hồng S và ông Nguyễn Thành V là vợ chồng.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thúy H, sinh năm 1991 nhưng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản: Ông bà không yêu cầu phân chia nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình bà S phải chịu 300.000 đồng, bà dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0002817 ngày 08/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, bà S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Kiên